TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn (bà H) có mặt tại phiên tòa; bị đơn (ông S) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14 tháng 3 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Thiện S có mối quan hệ quen biết. Ngày 08/4/2015 bà H có cho ông S vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay tiền thì ông S hứa mỗi

năm trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và lập giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015. Giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015 do ông S tự viết và tự ký tên. Từ ngày vay tiền của bà H cho đến nay thì ông S không trả cho bà H được khoản tiền nào, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S trả tiền nhưng ông S cố tình né tránh không trả.

Ngày 14/3/2019 bà H nộp đơn khởi kiện, yêu cầu ông S thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 14.100.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà H xác định yêu cầu ông S trả số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H xác định yêu cầu Tòa án buộc ông S thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bà Hòa không có yêu cầu gì khác.

* ***Bị đơn ông S:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông S tham gia giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông S. Quá trình xác minh, bị đơn ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hòa là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thiện S thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)". Bị đơn ông Nguyễn Thiện S có hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm

quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn; nhưng theo kết quả xác minh tại Công an xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 17/7/2019 cung cấp ông Nguyễn Thiện S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương chưa làm thủ tục chuyển đi nơi khác. Như vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Theo kết quả xác minh hiện nay ông S không còn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi thay đổi nơi cư trú bị đơn không thông báo cho nguyên đơn bà H biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng ông S vẫn vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông S đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định.

[1.4] Tại đơn khởi kiện nộp ngày 14/3/2019 bà H yêu cầu ông S thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 14.100.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H xác định yêu cầu ông S trả số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H xác định yêu cầu Tòa án buộc ông S thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bị đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thiện S thanh toán cho bà H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015 có chữ viết và chữ ký của bị đơn ông S thể hiện ông S có nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), và ông S cam kết mỗi năm trả 5.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S vắng mặt không có lý do nên

nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn trong giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015.

Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 23/2019/QĐ-TCGĐ ngày 21/6/2019 giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn ông S tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Theo kết luận giám định số: 232/GĐ-PC09 ngày 03/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thiện S" trên 01 (một) tờ giấy kẻ ô vuông (loại giấy tập học sinh), nhãn hiệu "Hòa Bình", có nội dung nợ tiền, đề ngày 08/4/2015 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên của Nguyễn Thiện S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn ông S có vay của nguyên đơn bà H số tiền 30.000.000 đồng.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015 thì ông S cam kết mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H cũng thống nhất cho ông S trả mỗi năm 5.000.0000 cho đến khi hết nợ, cụ thể: Ngày 08/4/2016 trả 5.000.000 đồng; ngày 08/4/2017 trả 5.000.000 đồng; ngày 08/4/2018 trả 5.000.000 đồng; ngày 08/4/2019 trả 5.000.000 đồng; ngày 08/4/2020 trả 5.000.000 đồng; ngày 08/4/2021 trả 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến kỳ hạn thì bị đơn vi phạm cam kết không trả cho nguyên đơn được bất cứ khoản tiền nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông S thanh toán một lần toàn bộ số số tiền nợ 30.000.000 đồng cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông S thanh toán một lần toàn bộ số số tiền nợ 30.000.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Số tiền chi phí giám định là 1.675.000 đồng, bị đơn phải chịu toàn bộ. Do nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng số tiền 1.675.000 đồng nên bị đơn ông S phải nộp số tiền 1.675.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn bà H.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông S phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn bà H.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 161, 227, 228, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Các Điều 40, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Thiện S.

Buộc ông Nguyễn Thiện S thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thiện S phải trả tiền lãi suất phát sinh trên số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

3. Chi phí giám định: Ông Nguyễn Thiện S phải chịu 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Do nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng số tiền 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nên bị đơn ông S phải nộp số tiền 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà H

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thiện S phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 1.102.500 đồng (một triệu một trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng), tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031354 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam